

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 58/2022/HS-ST
Ngày 12/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Kim Hồng;

- *Thẩm phán:* Ông Lê Đình N

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Hoàng

Ông Trần Minh Đức

Ông Nguyễn Đăng Hòa

- *Thư ký phiên toà:* Bà Thái Thị Mỹ Nga - Thư ký Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Tấn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Ngọc V (Tên gọi khác: C), sinh ngày 10/6/1987, tại Gia Lai; nơi ĐKKHTT và chỗ ở: Số 275/13 đường H, Tổ 5, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt N; con ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thùy L, sinh năm 1989; có 02 người con, lớn sinh năm 2008 và nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 28/11/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 16/2005/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2005;

- Ngày 02/6/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo (Tại Bản án số 50/2006/HSST ngày 02 tháng 6 năm 2006). Tổng hợp hình phạt 15 tháng tù của Bản án số 16/2005/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2005. Hình phạt chung phải chấp hành của 02 bản án là 27 tháng tù. Ngày 10/9/2007, chấp hành án xong.

- Ngày 05/5/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, theo bản án số 32/2011/HSST ngày 05 tháng 5 năm 2011. Đến ngày 15/9/2012, chấp hành án xong.

- Ngày 24/9/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử P thẩm, xử phạt 39 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 90/2014/HS-PT ngày 24 tháng 9 năm 2014. Ngày 25/01/2017, chấp hành án xong.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/3/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Huỳnh Tuấn A (Tên gọi khác: C), sinh ngày 23/10/1991, tại Bình Định; nơi ĐKHKTT: Thôn G, xã P, huyện T, tỉnh B; chỗ ở trước khi bị bắt: Số 47 đường P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Huỳnh D, sinh năm 1965 và bà Võ Thị S, sinh năm 1966; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 08/01/2001, tại Gia Lai; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Hẻm số 30 đường T, Tổ 12, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn V D, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm: 1981; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 27/9/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. Nguyễn Đình D, sinh ngày 17/4/2001, tại Gia Lai; nơi ĐKHKTT: làng J, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai; chỗ ở trước khi bị bắt: Số 84B đường D, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Đình H. sinh năm: 1973 và bà Bùi Thị Hiền N, sinh năm: 1974; tiền án: Không; tiền sự: 04 tiền sự.

- Ngày 02/3/2020, bị Công an phường D, thành phố P xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng, về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Ngày 30/6/2020, bị Công an thành phố P xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 3.000.000 đồng, về hành vi “Không giao nộp công cụ hỗ trợ”.

- Ngày 23/8/2020, bị Công an thành phố P xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng, về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”.

- Ngày 11/9/2020, bị Công an thành phố P xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 3.000.000 đồng, về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”.

Về nhân thân: Tháng 01 năm 2021 thực hiện hành vi Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, tại Bản án số 127/2022/HS-PT ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt mức án 19 tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Bị bắt tạm giam từ ngày 27/9/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

5. Nguyễn Đức T, sinh ngày 07/6/2000, tại Gia Lai; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Hẻm 363 đường T, Tổ 6, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không;

trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn T, sinh năm 1965 và bà Huỳnh Thị M, sinh năm: 1969; tiền án: Không, tiền sự: 01 tiền sự, ngày 11/9/2020, bị Công an thành phố P xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 3.000.000 đồng, về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”.

Về nhân thân: Ngày 28/8/2015, bị Công an thành phố P xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Phạt cảnh cáo (Do chưa đủ 16 tuổi), về hành vi “Cắt đầu hung khí nguy hiểm trong người nhằm mục đích gây thương tích cho người khác”.

Bị bắt tạm giam từ ngày 27/9/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc V: Ông Nguyễn Mạnh T– V phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Tuấn A: Ông Thái Quốc T– V phòng luật sư B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng N: Bà Trương Thị P– V phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình D: Ông Ngô Đức N – V phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có gửi bản luận cứ bào chữa cho bị cáo; bà H – V phòng luật sư N và Cộng sự - Chi nhánh G. Có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T: Ông Vũ Q K – V phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị hại: Ngô Đình N, sinh ngày: 08/10/1987; trú tại: Số 147 N, tổ 8, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phạm Ngọc T và bà Nguyễn Thị P (cha mẹ bị cáo V); địa chỉ: 275/13 H, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông Thi vắng mặt, bà P có mặt

+ Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1981 (mẹ bị cáo N); địa chỉ: Tổ 12, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

*** Người làm chứng: Điều vắng mặt**

+ Anh Vũ Ngọc P, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 63/283 T, tổ 4, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

+ Anh M Công H, sinh năm 2002; địa chỉ: Số 29A đường Y, phường T, phường H, tỉnh Gia Lai.

+ Anh Phạm Trung K, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 191 đường H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

+ Chị Nguyễn Thuỳ L, sinh năm 1989 (vợ bị cáo V); địa chỉ: 275/13 H, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

+ Anh Lê Anh K, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 137 đường L, phường I, tỉnh Gia Lai.

+ Anh Bùi Công D – Sinh năm: 2000; địa chỉ: Số 02 đường T, tổ 12, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- + Chị D Tiểu P, sinh năm: 2004; địa chỉ: Thôn 9, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
- + Anh Trần Minh Q, sinh năm: 1978; địa chỉ: Số 47 đường P, Tổ 13, phường Y, tỉnh Gia Lai.
- + Anh Phạm Ngọc T, sinh năm: 1990; địa chỉ: Số 275/17 đường H, phường H, thành phố P.
- + Bà Phạm Thị M, sinh năm 1946; địa chỉ: Tổ 2, phường H, tỉnh Gia Lai.
- + Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1973; địa chỉ: 18/26 đường T, phường H, tỉnh Gia Lai.
- + Anh Lê Cảnh T, sinh năm: 1988; địa chỉ: Số 144 đường H, phường D, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 15 tháng 12 năm 2021, khi biết Ngô Đình N (Tên gọi khác: Hạo N) cùng bạn đang uống nước tại Bến xe nội tỉnh Gia Lai nên Phạm Ngọc V (Tên gọi khác: Cu B) gọi điện thoại cho Nguyễn Đức T, Nguyễn Đình D và Nguyễn Hoàng N nhờ đi giải quyết mâu thuẫn và hẹn gặp nhau tại phòng trọ của T ở làng J, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai thì D, T và N đều đồng ý. Sau đó, V tiếp tục gọi cho Huỳnh Tuấn A (Tên gọi khác: C) nhờ Tuấn A đến phòng trọ của V để cùng V đi giải quyết công việc. Nghe vậy, A đồng ý và điều khiển xe mô tô Honda Air Blade màu đen biển số 81B2-911.67 (xe này A mượn của Vũ Ngọc P - Sinh năm: 1993, trú tại: Số 63/285 đường T, phường D, thành phố P) đến phòng trọ của V. Tại đây, V kể cho A biết về việc trước đó vài ngày, N đe dọa đánh cha của V, còn em trai của V bị lính của N đánh và hiện tại N đang ngồi uống nước trong Bến xe nhỏ nên rủ A, T, D và N cùng đi chém N để giải quyết mâu thuẫn trên thì A đồng ý, V nói A đi mua khẩu trang y tế mang đến phòng trọ của T chờ V. Nghe vậy, A điều khiển xe mô tô đi mua khẩu trang và đi đến phòng trọ của T thì gặp D đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển số 81B2-936.91 của D đi đến nhà T nên cả hai cùng đi đến phòng trọ của T để gặp T. Khi đến phòng trọ của T thì A nhận được điện thoại của V gọi A quay về phòng trọ chờ V mang theo 01 dao tự chế dài khoảng 1,2m và 01 dao tự chế dài khoảng 1,6m đến phòng trọ của T. Tại đây, A lấy khẩu trang đưa cho V, T, D đeo để che mặt và che biển số xe, V đưa cho A 01 dao tự chế dài khoảng 1,2m, V cầm một con dao tự chế dài 1,6m. Sau đó, D điều khiển xe mô tô biển số 81B2-936.91 chở A ngồi sau cầm dao, còn T điều khiển xe mô tô biển số 81B2-911.67 chở V ngồi sau cầm dao đi từ nhà trọ của T đến trước hẻm số 30 đường T, phường Y, thành phố P thì V nói tất cả dừng lại. Tại đây, V gọi điện thoại cho Nguyễn Hoàng N nhưng N không nghe máy nên V đi bộ xuống nhà gọi N đi cùng, N đeo khẩu trang che mặt và mang theo 01 dao tự chế dài khoảng 1,2m đi bộ cùng V lên đầu hẻm. Sau đó, D điều khiển xe chở A; còn T điều khiển xe chở V, N mang theo 03 con dao đi theo đường

Phan Đình Phùng rời theo đường hẻm ra đường Hai Bà Trưng xuống đường Lê Lai rồi rẽ trái vào đường Nguyễn T Thuật theo công sau vào Bến xe nội tỉnh Gia Lai thuộc Tổ 2, phường D, thành phố P thì D và T dừng xe lại. Lúc này, V, A và N xuống xe mỗi người cầm theo 01 con dao đi vào Bến xe nội tỉnh thì thấy nhóm N đang ngồi uống nước ở quán của bà Phạm Thị M (Tên gọi khác: C) ở trong Bến xe nhỏ cùng với M Công H (Sinh năm: 2002, trú tại: Tổ 2, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai), Phạm Trung K (Sinh năm: 1996, trú tại: Tổ 13, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai) và Lê Anh K (Tên gọi khác: Bảy - Sinh năm: 1983, trú tại: Số 137 đường L, phường I, Tp.P) nên V, Tuấn A, N cầm dao chạy đến chỗ nhóm N đang ngồi, cùng lao vào chém nhóm của N thì nhóm của N bỏ chạy. Lúc này, H và K bỏ chạy về hướng nhà vệ sinh trong bến xe thì bị N đuổi theo cầm dao bằng hai tay chém trúng cẳng tay của H, thấy vậy K đập vào người N để H chạy thoát. Sau đó, N đứng dậy dùng dao tiếp tục đuổi chém K trúng tay và vùng lưng hông bên phải của K thì K chạy thoát ra đường Hoàng V T và được đưa đi cấp cứu; còn V và A xông vào chém N thì N cầm ghế nhựa ném về phía A rồi bỏ chạy và bị vấp ngã nên bị A dùng dao chém trúng một nhát vào cẳng chân trái N, N vùng chạy về hướng cổng chính bến xe nhỏ thì A và V tiếp tục cầm dao đuổi theo chém. Khi N chạy được khoảng 15m thì bị ngã nằm sấp xuống nền đường nên A lao đến dùng dao chém liên tiếp nhiều nhát trúng vào cánh tay phải, khuỷu tay phải, mu bàn chân trái của N, N khom người đứng dậy thì A chém 01 nhát trúng vào đầu N. Ngay lúc này, V cũng vừa chạy đến cầm dao chém 01 nhát trúng vào đầu của N, N tiếp tục bỏ chạy và chạy thoát. Sau đó, V, A, N không chém nữa mà đi đến chỗ D và T đang đứng chờ để D điều khiển xe mô tô chở V và A, còn T điều khiển xe mô tô chở N mang theo hung khí bỏ đi. Đối với, Ngô Đình N và Phạm Trung K sau đó được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai cấp cứu, điều trị. Đến ngày 18 tháng 12 năm 2020, Phạm Trung K ra viện; ngày 21 tháng 12 năm 2020 Ngô Đình N ra viện.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, Huỳnh Tuấn A ra đầu thú; ngày 16 tháng 3 năm 2021, Phạm Ngọc V ra đầu. Sau đó, hành vi của Nguyễn Đình D, Nguyễn Hoàng N và Nguyễn Đức T bị phát hiện và bị bắt tạm giam. Thu giữ của Huỳnh Tuấn A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10 màu xanh kèm theo 02 sim số; thu giữ của Nguyễn Đức T 01 điện thoại di động Nokia105 màu xanh kèm theo 01 sim số; thu giữ của Nguyễn Đình D 01 xe mô tô biển số 81B2-936.91 mang tên Nguyễn Đình D; anh Võ Cường D - Trung tâm chỉ huy thuộc phòng tham mưu Công an tỉnh Gia Lai cung cấp 02 đoạn video clip và đã được sao chép vào đĩa DVD, sau đó niêm phong theo quy định; anh Bùi Ngọc Đông - Phó trưởng Công an phường Tây Sơn cung cấp 01 đoạn video clip và đã được sao chép vào đĩa DVD, sau đó niêm phong theo quy định; anh Lê Cảnh T (Sinh năm: 1988, trú tại: Số 144 đường H, phường D, thành phố P) giao nộp 01 đoạn video clip sử dụng điện thoại di động ghi lại và đã được sao chép vào đĩa DVD, sau đó niêm phong theo quy định. Riêng đối với 03 con dao tự chế, sau khi gây án V cùng đồng phạm đã vứt bỏ nhưng không nhớ ở đâu nên không thu giữ được.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thành phố P đã tiến hành trưng cầu giám định tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe của Ngô Đình N và Phạm Trung K. Qua giám định, tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 273/20/TgT ngày 22/12/2020, kết luận đối với thương tích của Ngô Đình N như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Một vết thương phần mềm vùng đỉnh thái dương phải dài 8,5cm, đã khâu còn sung nề xung quanh vết thương.

- Một vết thương phần mềm mặt sau khuỷu tay phải kích thước 01cm, đã khâu còn sung nề.

- Một vết xước da nông mặt sau 1/3 dưới cánh tay phải kích thước 1,5 cm.

- Một vết thương phần mềm mặt trước ngoài 1/3 dưới cẳng chân trái dài 07cm, đã khâu, còn sung nề.

- Một vết thương phần mềm mặt mu bàn chân trái dài 3cm, đã khâu.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 7%.

Áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư 22/2019/TT - BYT.

3. Kết luận khác:

- Cơ chế hình thành vết thương: Do sự tác động trực tiếp của ngoại lực.

- Vật gây thương tích: Phù hợp với vật sắc có cạnh bén”.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung, về việc giám định bổ sung tổn hại phần trăm thương tích đối với vết thương ở vùng đỉnh đầu bên phải của Ngô Đình N. Qua giám định, tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 89/21/TgT ngày 31/5/2021, kết luận đối với thương tích của Ngô Đình N như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Một sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh phải kích thước (2,5 x 0,2)cm, sẹo liền.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 01%. Áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư 22/2019/TT - BYT.

3. Kết luận khác:

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của 01 (hai) bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 273/20/TgT và số 89/21/TgT là: 08%. Áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư 22/2019/TT - BYT”.

Qua giám định, tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 274/20/TgT ngày 22/12/2020, kết luận đối với thương tích của Phạm Trung K như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Một vết thương phần mềm mặt sau khuỷu tay phải dài 4cm, đã khâu.

- Một vết thương phần mềm vùng hông lưng phải sát bờ trên mào chậu phải dài 5cm, đã khâu.

- Mề xương mồm khuỷu tay phải.

- Vết thương vùng hông lưng phải gây nứt xương mào chậu phải.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 6%.

Áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư 22/2019/TT - BYT.

3. Kết luận khác:

- Cơ chế hình thành vết thương: Do sự tác động trực tiếp của ngoại lực.
- Vật gây thương tích: Phù hợp với vật sắc có cạnh bén.

2. Diễn biến vụ án:

Cáo trạng số 11/CT-VKS-P2 ngày 14/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Phạm Ngọc V, Huỳnh Tuấn A phạm tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Đình D và Nguyễn Đức T phạm tội “Giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Ngày 21/3/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ xác định hành vi phạm tội của các bị can và truy tố đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị can trong vụ án.

Cáo trạng số 55/CT-VKS-P2 ngày 25/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo Phạm Ngọc V, Huỳnh Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Đình D và Nguyễn Đức T về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

3. Diễn biến tại Phiên tòa:

* Bị cáo Phạm Ngọc V thừa nhận do nghĩ anh N đe dọa cha bị cáo và đánh em của bị cáo nên bị cáo có rủ các bị cáo A, D, T, N đi đánh anh N, bị cáo chuẩn bị 02 con dao do bị cáo giữ 01 dao và đưa cho A 01 con dao, bị cáo đến nhà rủ N cùng đi và N cầm theo 01 con dao. Bị cáo cho rằng chỉ chém một nhát vào chân anh N chứ không chém vào đầu anh N còn ai chém anh N thì bị cáo không thấy. Cho rằng thương tích ở đầu anh N là do anh N bị ngã trúng chân cây dù che mưa nắng, bị cáo chỉ gây thương tích cho anh N nên không đồng ý việc bị truy tố tội giết người.

Bị cáo Nguyễn Đình D thừa nhận có việc bị cáo V rủ đi đánh dần mặt anh N, bị cáo có thấy các bị cáo V, A, N mang theo dao, bị cáo cùng T dùng xe mô tô chở các bị cáo V, A, N đi đến khu vực bến xe nhỏ nơi anh N đang ngồi uống nước với một số người. Đến nơi V, Anh, N cầm dao vào chỗ anh N nhưng bị cáo đứng ở ngoài nên không thấy gì, bị cáo có cùng T đứng ngoài chờ và chờ V, Anh, N về mới biết V, Anh, N chém N và nhóm N. Do bị cáo đồng ý với V đi đánh dần mặt N nên bị cáo nghĩ mình phạm tội cố ý gây thương tích, không nhất trí bị truy tố tội giết người.

Các bị cáo Huỳnh Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Đức T khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng; bị cáo A xác nhận có chém 01 nhát vào đầu anh N và thấy V cùng chém 01 nhát vào đầu anh N, các bị cáo đều thấy bị truy tố, xét xử về tội “Giết người” là đúng tội, xin được giảm nhẹ hình phạt.

* Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc V, Huỳnh Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Đình D và Nguyễn Đức T phạm tội “Giết người”;

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 15, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc V mức án 8 đến 9 năm tù.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 15, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Huỳnh Tuấn A mức án 7 đến 8 năm tù.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 15, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N mức án 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 15, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D mức án 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 15, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T mức án 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù.

Về vật chứng: đề nghị tịch thu sung công quỹ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu xanh (màn hình bị nứt vỡ) (không pass); 01 (một) điện thoại di động Nokia 105, màu xanh, kèm 01 (một) sim điện thoại (nằm trong máy); 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen vàng đồng; BKS: 81B2-936.91, số máy JF94E0191715; số khung: RLHJF6331LZ548200.

- Người bào chữa cho các bị cáo Luật sư Nguyễn Mạnh T, Luật sư Thái Quốc T, Luật sư Trương Thị P và Luật sư Vũ Q KH trình bày: Đều T với Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, ý kiến Luật sư Thắng thêm tình tiết bị hại có lỗi, đề nghị xử các bị cáo mức án thấp hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên.

Luật sư Hứa Thị Trung N bào chữa cho bị cáo D cho rằng bị cáo chỉ hứa hẹn đi đánh dần mặt, việc các bị cáo V và Anh chém vào đầu bị hại là ngoài ý chí của bị cáo D, đề nghị xử bị cáo tội cố ý gây thương tích theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự với mức án khoan hồng do bị cáo có vai trò thứ yếu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Luật sư Ngô Đức N gửi luận cứ bào chữa cho bị cáo D có nội dung nhất trí việc truy tố bị cáo về tội giết người nhưng theo khoản 2 là đúng tội và đề nghị xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị hại có lỗi, đề nghị Hội đồng xét xử các bị cáo mức án thấp hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xem xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và các lời khai, các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án thấy rằng, tại kết luận giám định thể hiện có vết thương phần mềm vùng đỉnh thái dương phải dài 8,5cm, đã khâu 8 mũi chỉ và một số vết thương khác với cơ chế hình thành vết thương là do sự tác động trực tiếp của ngoại lực và vật gây thương tích là “Phù hợp với vật sắc có cạnh bén”, biên bản khám nghiệm hiện trường thể hiện vị trí vết máu nơi bị hại N bị đánh, chém không có chướng ngại vật nào cũng không có chân dù mà chỉ là hiện trường thoáng; Khi thực nghiệm điều tra thì bị cáo V, bị cáo A xác nhận bị cáo A là người chém vào đầu bị hại; Tại phiên tòa bị cáo A đã xác nhận có chém 01 nhát vào đầu bị hại N và có thấy bị cáo V chém 01 nhát vào đầu bị hại N còn bị cáo V cho rằng chỉ chém 01 nhát vào chân bị hại, cả hai bị cáo đều xác nhận T bộ thương tích của anh N nêu tại kết luận giám định là do các bị cáo gây ra. Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo V và Anh đã chém nhiều nhát trên cơ thể của anh N trong đó có vùng đầu gây ra vết thương nêu trên.

Đối với việc bị cáo V hay bị cáo A chém vào vùng đầu bị hại: Hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo nhiều lần thay đổi lời khai, khi thực nghiệm điều tra và tại phiên tòa bị cáo A xác nhận bị cáo có chém 01 nhát vào đầu bị hại, thực tế vùng đầu bị hại có 02 vết thương và nhiều vết thương khác trên cơ thể đều do các bị cáo gây ra. Như vậy, việc cả hai bị cáo cùng chém nhiều nơi trên cơ thể bị hại trong đó có vết chém vùng đầu là đúng thực tế còn việc bị cáo A hay bị cáo V là người trực tiếp chém vào đầu bị hại thì bị cáo còn lại vẫn chịu chung trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm.

Đối với việc phía bị cáo Nguyễn Đình D cho rằng chỉ cố ý gây thương tích: Chứng cứ trong vụ án thể hiện, bị cáo D xác nhận bị cáo V có rủ đi đánh dần mặt anh N, khi cả 5 bị cáo cùng gặp nhau là khoảng 15 giờ chiều nên đều thấy rõ hành vi của nhau, bị cáo V, Anh, N mỗi bị cáo cầm theo 01 con dao tự chế khoảng 1,2 đến 1,6m, biển số xe của các bị cáo D, T được che bằng khẩu trang và do bị cáo D, T điều khiển chở các bị cáo cầm dao kể trên, dữ liệu điện tử thể hiện rõ hành vi của các bị cáo sau khi chém xong cầm dao ra xe D, T chờ sẵn chờ đi. Như vậy, có căn cứ xác định rõ các bị cáo đều nhất trí cùng thực hiện hành vi phạm tội và chấp nhận hậu quả do đồng phạm gây ra.

Như vậy, việc Phạm Ngọc V cho rằng bị hại Ngô Đình N đã đe dọa cha V và đàn em của N đã đánh em V nên V rủ Huỳnh Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Đình D, Nguyễn Đức T mang theo 03 con dao dao tự chế khoảng 1,2 đến 1,6m đến khu vực chợ đêm rồi lao vào rượt, đuổi chém nhiều nơi trên cơ thể bị hại N. Hậu quả anh N bị thương tích 8% trong đó có vết thương phần mềm vùng đỉnh thái dương phải dài 8,5cm, đã khâu 8 mũi chỉ là hành vi côn đồ, hung hãn, bất chấp tính mạng của bị hại.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo Phạm Ngọc V, Huỳnh Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Đình D và Nguyễn Đức T về tội “Giết

người” với tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của BLHS là có căn cứ, đúng tội và thuộc trường hợp “Phạm tội chưa đạt”.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm tính mạng, sức khỏe người khác và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó, hành vi của bị cáo V và bị cáo A là nguy hiểm nhất, bị cáo V giữ vai trò khởi xướng và cùng với bị cáo A thực hành, còn các bị cáo N, D, T giữ vai trò giúp sức, trong đó bị cáo N giúp sức tích cực nhất đã cầm dao chém anh K, anh H bỏ chạy là điều kiện thuận lợi cho các bị cáo V và Anh chém bị hại N.

Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp “Phạm tội chưa đạt” nên được áp dụng quy định tại Điều 15 và Điều 57 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Phạm Ngọc V, Huỳnh Tuấn A sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại đơn xin giảm nhẹ hình phạt ngày 09/6/2022 bị hại N xin giảm hình phạt cho các bị cáo A, D, N vì các bị cáo có bồi thường nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo V luôn quanh co không khai rõ hành vi phạm tội của mình nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo; Bị cáo Anh, N, T khai rõ hành vi phạm tội, rõ ra ăn năn hối cải và nhận tội, bị cáo D cho rằng chỉ phạm tội cố ý gây thương tích nhưng bị cáo khai rõ hành vi phạm tội của bản thân nên các bị cáo A, N, T, D đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo N còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự do bị cáo được Công an phường Đồng Đa xác nhận đã tố giác giúp Công an phường Đồng Đa phát hiện, bắt giữ đối tượng đang bị truy nã.

- Về nhân thân: Các bị cáo Phạm Ngọc V, Nguyễn Đình D và Nguyễn Đức T có nhân thân xấu. Bị cáo Phạm Ngọc V đã có bốn lần bị kết án về các tội “Cố ý gây thương tích” và “Gây rối trật tự công cộng”; Bị cáo Nguyễn Đình D có bốn tiền sự về các hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, “Không giao nộp công cụ hỗ trợ”, “Xâm hại sức khỏe người khác”, “Xâm hại sức khỏe người khác”, và đang chấp hành án 19 tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, theo Bản án số 127/2022/HS-PT ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Bị cáo Nguyễn Đức T có một tiền sự về hành vi “xâm hại sức khỏe người khác” và có nhân thân xấu do bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cắt đầu hung khí nguy hiểm trong người nhằm mục đích gây thương tích cho người khác”.

- Về hình phạt: Bị cáo V vừa khởi xướng vừa thực hành tích cực nhưng có ít tình tiết giảm nhẹ nhất, bản thân bị cáo nhiều lần bị xét xử và thi hành án phạt tù nhưng bị cáo không sửa chữa mà tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Do đó, bị cáo phải chịu mức án nghiêm khắc nhất. Bị cáo Anh có vai trò chỉ sau bị cáo V, bị

cáo có nhân thân tốt, đã bồi thường và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên mức án thấp hơn bị cáo V.

Các bị cáo N, D, T có mức án tương xứng với vai trò giúp sức. Trong đó, bị cáo N có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm hơn bị cáo D, T nên mức án của bị cáo cao hơn. Bị cáo D và T có vai trò như nhau, bị cáo D có nhân thân xấu còn bị cáo T có tiền sự do đó mức án hai bị cáo ngang nhau.

[5] Về bồi thường dân sự: Bị hại Ngô Đình N không yêu cầu về việc bồi thường nên không xem xét.

[6] Đối với Phạm Ngọc V, Huỳnh Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Đức T, Nguyễn Đình D còn bị khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, vì đã gây thương tích cho bị hại Phạm Trung K bị tổn hại 06% sức khỏe. Tuy nhiên, bị hại Phạm Trung K làm đơn xin bãi nại, tự nguyện rút yêu cầu khởi tố đối với hành vi cố ý gây thương tích của Phạm Ngọc V, Huỳnh Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Đức T, Nguyễn Đình D. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai căn cứ khoản 2 Điều 155 và điểm a khoản 1 Điều 230 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự, Quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với: Phạm Ngọc V, Huỳnh Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Đức T, Nguyễn Đình D, về tội: “Cố ý gây thương tích” nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[7] Về vật chứng: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu xanh (màn hình bị nứt vỡ) (không pass); 01 (một) điện thoại di động Nokia 105, màu xanh; 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen vàng đồng; BKS: 81B2- 936.91, số máy JF94E0191715; số khung: RLHJF6331LZ548200. Các vật chứng này đều là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

Đối với 01 sim điện thoại (nằm trong máy điện thoại di động Nokia 105, màu xanh) không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc V, Huỳnh Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Đình D và Nguyễn Đức T phạm tội “Giết người”;

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 15, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc V **10** (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/3/2021.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 15, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Huỳnh Tuấn A **8** (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2021.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 15, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N **5** (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2021.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 15, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D **4** (bốn) năm **6** (sáu) tháng tù.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 19 (mười chín) tháng tù của bản án số 127/2022/HS-PT ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hình phạt chung bị cáo Nguyễn Đình D phải chấp hành là **6** (sáu) năm **1** (một) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 27/9/2021.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 15, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T **4** (bốn) năm **6** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2021.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu xanh (màn hình bị nứt vỡ) (không pass); 01 (một) điện thoại di động Nokia 105, màu xanh; 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen vàng đồng; BKS: 81B2- 936.91, số máy JF94E0191715; số khung: RLHJF6331LZ548200.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 sim điện thoại (nằm trong máy điện thoại di động Nokia 105, màu xanh)

T bộ vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 27/2022 ngày 18/01/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Gia Lai và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Về dân sự: Không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Buộc các bị cáo Phạm Ngọc V, Huỳnh Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Đình D và Nguyễn Đức T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử P thẩm. Người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại ĐN;
- VKSND Cấp cao tại ĐN;
- VKSND tỉnh Gia lai;
- Phòng HSNV – CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Gia Lai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TOÀ**

- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tam giam T20;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Tòa HS, VT, Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Hồng